

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN CÔNG ĐỆ

**PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI
NAM TRUNG BỘ VIỆT NAM THEO HƯỚNG BỀN VỮNG**

Ngành : Kinh tế phát triển

Mã số : 9 31 01 05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội - Năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. Ngô Thắng Lợi**
PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

Phản biện 1: PGS.TS Bùi Văn Huyền

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan

Phản biện 3: TS. Lương Tình

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồi giờ ngày tháng năm 2022.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
- Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Ngành du lịch từ lâu đã được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn. Đối với nhiều quốc gia du lịch được xem là công cụ chính trong việc phát triển ở các địa phương hay các vùng vì nó có thể tác động đến tổng thu nhập của cả người dân và doanh nghiệp; tăng trưởng nguồn thu cho đất nước; tạo việc làm, thanh toán. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch (PTDL) mà chưa gắn với các định hướng, các kế hoạch có thể gây nhiều bất cập như làm suy thoái tài nguyên du lịch, cảnh quan tự nhiên hủy hoại môi trường sống thậm chí còn tác động xấu đến nền văn hóa bản địa ... Vì vậy, việc PTDL theo hướng bền vững đã và đang thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước. Phát triển du lịch theo hướng bền vững không chỉ cần tạo điều kiện cho du lịch phát triển mà còn phải xem xét thấu đáo những hệ quả của quá trình này. Theo đó, nó cần được hiểu một cách toàn diện, đầy đủ trên cả ba khía cạnh là: (i) Tăng trưởng kinh tế ổn định, (ii) Thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội, và (iii) Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên (Hall và Testoni, 2004); (Sudhir và Amartya, 1996); (Phan và Võ, 2017).

Tại Việt Nam phát triển du lịch theo hướng bền vững là một phần quan trọng của phát triển bền vững của Liên hợp quốc và Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam điều này đã được khẳng định tại Đại hội IX “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”; “Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001). Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành

Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam) nhằm PTBV đất nước trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa phát triển kinh tế phát triển xã hội và bảo vệ môi trường (Thủ tướng Chính phủ. 2004). Phát triển du lịch theo hướng bền vững gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; giữ gìn cảnh quan bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội” (Thủ tướng Chính phủ. 2011). Đây được xem là một chương trình hành động khung bao gồm những định hướng mục tiêu và giải pháp lớn làm cơ sở pháp lý để các Bộ, Ngành, Địa phương các tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện và phối hợp hành động nhằm bảo đảm phát triển bền vững đất nước.

Vùng Duyên hải Nam Trung bộ của Việt Nam đã được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch phê duyệt quy hoạch tổng thể PTDL đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 (Thủ tướng Chính phủ. 2014) bao gồm thành phố Đà Nẵng và 7 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận. Là nơi có nhiều di tích lịch sử - văn hóa lễ hội làng nghề truyền thống nổi tiếng gắn với các nền văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Chăm Pa, văn hóa các dân tộc thiểu số Đông Trường Sơn, các cuộc chiến tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc...; trong đó, nổi bật là hệ thống di tích của nền văn hóa Chăm Pa. Đây là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn đặc trưng của Vùng. Bên cạnh đó, Vùng còn có vị trí thuận lợi trong mối liên kết vùng để PTDL. Du lịch Vùng Duyên hải Nam Trung bộ của Việt Nam nằm trên tuyến du lịch xuyên Việt, là cầu nối du lịch Bắc - Nam; điểm đầu của các tuyến du lịch “Con đường Di sản Miền Trung”, “Con đường xanh Tây Nguyên”, cửa ngõ Vùng Tây Nguyên; đầu cầu và cũng là cửa ngõ ra biển Đông của hành lang du lịch Đông - Tây. Theo định hướng và quy hoạch PTDL đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Vùng

Duyên hải Nam Trung bộ sẽ phát triển đồng thời du lịch biển - đảo, du lịch văn hóa và du lịch sinh thái trong đó lấy du lịch biển - đảo làm mũi nhọn, du lịch văn hóa làm nền tảng; kết hợp chặt chẽ giữa PTDL với bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường; tăng cường liên kết PTDL giữa các địa phương trong Vùng để phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh du lịch chung toàn Vùng.

Tuy nhiên, du lịch của Vùng Duyên hải Nam Trung bộ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh vốn có, còn manh mún, thiếu tầm nhìn tổng thể; hạ tầng du lịch còn nhiều mặt chưa đồng bộ; liên kết PTDL toàn Vùng còn yếu. không ổn định; tài nguyên du lịch chưa được khai thác hợp lý; cơ sở hạ tầng còn thiếu đồng bộ; chất lượng dịch vụ còn hạn chế; hiện tượng chèo chèo khách, bán hàng rong, lừa đảo, tình trạng mất vệ sinh an toàn tại các điểm du lịch vẫn thường xuyên xảy ra. bên cạnh đó nguồn nhân lực cũng là điểm yếu trong quá trình PTDL của Vùng. Đặc biệt. từ khi đại dịch COVID-19 xuất hiện từ cuối năm 2019 đã tác động lớn đến các ngành kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Trước những tác động này các nước trên thế giới cũng như Việt Nam đã áp dụng các biện pháp phòng chống dịch chưa từng có trong lịch sử nhằm đảm bảo an toàn cho người dân. điều này làm cho lượng khách quốc tế và trong nước suy giảm mạnh. kéo theo các hoạt động du lịch dịch vụ. lữ hành. khách sạn. vận chuyển. nhà hàng. các điểm mua sắm du lịch... phải tạm dừng hoạt động. Theo Báo cáo của Liên hiệp quốc. lượng khách du lịch quốc tế đã giảm khoảng 1 tỉ lượt. tương đương giảm 73% trong năm 2020. trong khi trong quý đầu tiên của năm 2021. mức giảm đã là 88% (Kiều Giang. 2021). Thực tế này đã ảnh hưởng lớn đến sự PTDL của Vùng theo hướng bền vững. Bên cạnh đó. cho đến nay vẫn có những quan điểm chưa thống nhất hoàn toàn về khái niệm. nội dung. tiêu chí và các yếu tố ảnh hưởng đến PTDL

theo hướng bền vững. Một số tác giả tiếp cận nội dung theo nội hàm ba trụ cột của phát triển bền vững (phát triển về kinh tế, về xã hội và về môi trường theo hướng bền vững) Phạm Quế Anh (2017); Nguyễn Quang Thái và Ngô Thắng Lợi (2007), một số tác giả khác tiếp cận nội dung theo hướng làm gì để PTDL theo hướng bền vững, theo đó các nội dung chủ yếu của PTDL bao gồm quy hoạch và kế hoạch PTDL; huy động và sử dụng các nguồn lực theo hướng hiệu quả. Ngoài ra, chưa có công trình nào phân tích và đề xuất được bộ tiêu chí đánh giá PTDL theo hướng bền vững phù hợp với phạm vi, quy mô, đặc thù về điều kiện PTDL, năng lực phân tích, đánh giá của các địa phương cấp tỉnh trên địa bàn vùng DHNTB (Lê Chí Công (2015); Nguyễn Thanh Tường (2016); Vũ Văn Đông (2014); Anna và cộng sự (2017); Fernánde và Rivero (2009); Lucian và Julien (2007),

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài: *“Phát triển du lịch trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam theo hướng bền vững”* nhằm đánh giá về mức độ PTDL của Vùng cũng như của các tỉnh trong Vùng trên các khía cạnh về môi trường, kinh tế và văn hoá – xã hội đồng thời, xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến PTDL của Vùng, từ đó đề xuất những định hướng, giải pháp nhằm phát triển du lịch trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững,

2. Những đóng góp mới của luận án

2.1. Về lý luận

+ Luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận chung về PTDL và PTDL theo hướng bền vững,

+ Xác định được các tiêu chí đánh giá mức độ bền vững về PTDL của một vùng hoặc một địa phương dựa trên ba trụ cột chính của PTDL theo hướng bền vững là bền vững về kinh tế, bền vững về

môi trường và bền vững về kinh tế - xã hội,

2.2. Về thực tiễn

+ Chỉ ra những địa phương đạt được mức độ bền vững du lịch về kinh tế từ cao đến thấp nhất trong vùng theo thứ tự từ Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Nam, Bình Thuận,, Phú yên, Ninh Thuận và cuối cùng là Quảng Ngãi, + Chỉ ra những địa phương đạt được mức độ bền vững về văn hoá – xã hội theo thứ tự Quảng Nam, Bình Định Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú yên, và cuối cùng là Quảng Ngãi + Chỉ ra những địa phương đạt được mức độ bền về môi trường Quảng Nam, Bình Định Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Phú yên, Quảng Ngãi và cuối cùng là Bình Thuận + Chỉ ra được nhân tố có ảnh hưởng đến PTDL của Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, theo đó nhân tố Chính sách có tác động mạnh nhất tới phát triển du lịch bền vững vùng, tiếp đến là Tài nguyên du lịch, Cơ sở hạ tầng, Cộng đồng dân cư địa phương, các dịch vụ hỗ trợ liên quan, Quảng bá và xúc tiến du lịch, Nguồn nhân lực du lịch, Sự đa dạng của các dịch vụ phục vụ du lịch, Hoạt động liên kết, hợp tác phát triển du lịch, Sự hài lòng của khách du lịch, + Đề xuất được các giải pháp PTDL trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam theo hướng bền vững và các điều kiện để thực hiện các giải pháp.

3. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần tóm tắt, danh mục bảng biểu, hình vẽ, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu và hướng nghiên cứu của luận án,

Chương 2: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển du lịch theo hướng bền vững,

Chương 3: Thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn Vùng

Duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam theo hướng bền vững,

Chương 4: Định hướng và giải pháp phát triển du lịch trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

1.1.1. Các nghiên cứu về quan điểm phát triển du lịch theo hướng bền vững

Seifi và Ghobadi (2017); Mrkša và Gajić (2014); Maldonado và cộng sự (1992); Stonich và cộng sự (1995); Clark (1990); Mai và Phạm (2017); Zhenhua Liu (2003); Nguyễn Quang Thái và Ngô Thắng Lợi (2007); Mowforth và Munt (2015); Phạm Trung Lương (2002); Lê Chí Công (2013). Tuy nhiên, điểm chung của các nghiên cứu này là cùng đánh giá PTDL theo hướng bền vững là bền vững trên các khía cạnh về thể chế, về chính sách, về kinh tế, về xã hội, về môi trường, về nguồn nhân lực du lịch và về sự đa dạng của các sản phẩm dịch vụ du lịch.

1.1.2. Các nguyên cứu về chỉ số, tiêu chí đo lường về phát triển du lịch theo hướng bền vững

Anna và cộng sự (2017); Fernánde và Rivero (2009); Vũ Văn Đông (2014); Le Chi Cong & Ta Thi Van Chi (2020). Từ các nghiên cứu trên, luận án cho rằng: Các nhà nghiên cứu trong nước và ngoài nước đều thống nhất xác định các khía cạnh để đánh giá PTDL theo hướng bền vững là về khía cạnh văn hoá – xã hội, khía cạnh kinh tế và khía cạnh môi trường. Tuy nhiên, về các tiêu chí để đo lường, đánh giá của từng khía cạnh còn có sự khác biệt.

1.1.3. Các nghiên cứu về liên kết trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

Dwyer và cộng sự (2011); Tisdell (2013); Mahdavi và cộng sự, (2013). Tại Việt Nam, về liên kết trong PTDLBV, có các nghiên cứu tiêu biểu trong nước như: Phạm Trung Lương (2012); Nguyễn Mạnh Hùng (2016). Từ những nghiên cứu trên, luận án cho rằng: Vấn đề liên kết trong PTDL theo hướng bền vững, các nghiên cứu đã đề cập đến việc tăng cường liên kết vùng trong PTDL, quản lý nhà nước về du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, phát triển nguồn nhân lực, quảng bá thương hiệu du lịch,... Đây là những cơ sở quan trọng của việc nghiên cứu các giải pháp để PTDL ở cấp độ Vùng, liên Vùng.

1.1.4. Các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch theo hướng bền vững

Vuong Khanh Tuan và cộng sự (2019); Natalia Restrepo (2019); Ruhanen (2012); Mowforth và Munt (2015), Ko (2005) Garcia-Melon và cộng sự (2012); Azizi và cộng sự (2011); Wang và Pei (2014). Từ các nghiên cứu trên, luận án cho rằng: Có rất nhiều các yếu tố ảnh hưởng đến PTDL theo hướng bền vững bao gồm cả các yếu tố vĩ mô và vi mô như chính quyền địa phương, cộng đồng cư dân địa phương, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, nhận thức của các bên liên quan, yếu tố về môi trường kinh doanh du lịch hay các yếu tố về sự đa dạng của các sản phẩm du lịch, dịch vụ hỗ trợ,... tăng thu nhập cho người dân,...

1.1.5. Khoảng trống nghiên cứu

1) Vẫn còn có những quan điểm chưa thống nhất hoàn toàn về khái niệm, nội dung, tiêu chí và các yếu tố ảnh hưởng đến PTDL theo hướng bền vững. 2) Mức độ tương quan như thế nào để được coi là “kết hợp” hoặc “cân đối hợp lý” giữa ba trụ cột kinh tế,

xã hội, môi trường và liên kết trong PTDL theo hướng bền vững chưa được phân tích sâu ở góc độ lý thuyết chung. 3) Hệ thống tiêu chí đánh giá PTDL theo hướng bền vững chưa có sự thống nhất, phần lớn các công trình mới chỉ đưa ra các tiêu chí định tính, khó cụ thể hóa thành các chỉ tiêu đánh giá PTDL theo hướng bền vững, có tính khả thi để áp dụng trên thực tế; chưa có công trình nào phân tích và đề xuất được bộ tiêu chí đánh giá PTDL theo hướng bền vững phù hợp với phạm vi, quy mô, đặc thù về điều kiện PTDL, năng lực phân tích, đánh giá của các địa phương cấp tỉnh. 4) Vấn đề nghiên cứu ở cấp độ Tiến sĩ, dưới góc độ kinh tế phát triển về PTDL theo hướng bền vững trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ - với những đặc trưng riêng về điều kiện tự nhiên, văn hóa và xã hội thì chưa được công trình nào đã thực hiện.

1.2. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu

1) Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở khung lý thuyết nghiên cứu về phát triển du lịch theo hướng bền vững, luận án đánh giá thực trạng, nhằm phát hiện ra tính chất thiếu bền vững, từ đó đề xuất những giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam theo hướng bền vững.

2) Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa và góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển du lịch theo hướng bền vững;
- Đánh giá thực trạng và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững;
- Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy phát triển du lịch trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam theo hướng bền vững trong giai đoạn tới.

1.2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề về du lịch, PTDL theo hướng bền vững, các tiêu chí đánh giá PTDL theo hướng bền vững, các nhân tố ảnh hưởng đến PTDL theo hướng bền vững và các giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch theo hướng bền vững.

1.2.3. Phạm vi nghiên cứu

1) Nội dung nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến PTDL theo hướng bền vững như: Khái quát về du lịch, đặc điểm của ngành du lịch và vai trò của ngành du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội; Thực trạng về hoạt động PTDL của các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam theo hướng bền vững; Giải pháp PTDL các tỉnh Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam theo hướng bền vững.

1.2.4. Câu hỏi nghiên cứu

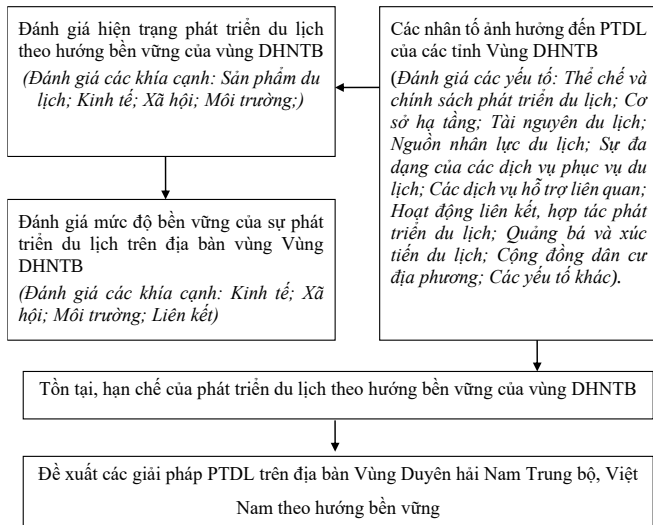
1) Để đánh giá mức độ PTDLBV của các tỉnh Vùng Duyên hải Nam Trung bộ chúng ta cần đánh giá bền vững trên những khía cạnh nào và các tiêu chí, trọng số để đánh giá như thế nào là phù hợp?

2) Có những nhân tố nào ảnh hưởng đến PTDL của các tỉnh Vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố?

3) Những giải pháp nào là phù hợp để PTDL của các tỉnh Vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững?

1.3. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.3.1. Cách tiếp cận và khung phân tích



Hình 1.1: Khung phân tích phát triển du lịch theo hướng bền vững

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

2.1.1. Nội dung nghiên cứu về phát triển du lịch theo hướng bền vững

1) Nghiên cứu về thực trạng của sự phát triển du lịch

1) Phát triển về sản phẩm du lịch; 2) Phát triển dưới góc độ kinh tế; 3) Phát triển dưới góc độ văn hóa - xã hội; 4) Phát triển dưới góc độ môi trường; 5) Phát triển dưới góc độ liên kết vùng.

2) Nghiên cứu về tính bền vững trong phát triển du lịch

Nội hàm của PTDL theo hướng bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa bốn mặt của sự phát triển là bền vững về kinh tế, bền vững về môi trường và bền vững về

văn hóa xã hội.

2.1.2. Tiêu chí đánh giá phát triển du lịch theo hướng bền vững

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch theo hướng bền vững gồm: 1) Bền vững về kinh tế; 2) Bền vững về văn hoá - xã hội; 3) Bền vững về môi trường; 4) Mức độ liên kết

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch theo hướng bền vững

Luận án nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch theo hướng bền vững gồm: 1)Yếu tố thuộc về thể chế và chính sách phát triển du lịch; 2) Yếu tố thuộc về cơ sở hạ tầng du lịch; 3)Yếu tố thuộc về tài nguyên du lịch; 4) Yếu tố thuộc về nguồn nhân lực du lịch; 5) Yếu tố thuộc về các dịch vụ phục vụ du lịch; 6) Yếu tố thuộc về dịch vụ hỗ trợ liên quan đến du lịch; 7) Yếu tố thuộc về liên kết, hợp tác PTDL; 8) Yếu tố thuộc về quảng bá và xúc tiến du lịch; 9) Yếu tố thuộc về sự hài lòng của khách du lịch; 10) Yếu tố thuộc về đặc điểm cộng đồng dân cư địa phương; 11) Các yếu tố khác

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

3.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Vùng Duyên hải Nam Trung bộ gồm các tỉnh, thành phố từ Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận, có chiều dài khoảng 800 km. Phía bắc giáp biển Đông, phía nam giáp Đông Nam Bộ, phía tây giáp Tây Nguyên, phía bắc giáp Bắc Trung bộ, phía tây bắc giáp nước bạn

Lào. Địa hình của vùng bao gồm đồng bằng ven biển và núi thấp, có vịnh (Vịnh Xuân Đài, Vịnh Vân Phong, Cam Ranh...) đầm phá, ghềnh đá và nhiều bãi biển nổi tiếng (Mỹ Khê, Cửa Đại, Quy Nhơn, Khánh Hòa, Mũi Né...). Với vị trí địa lý thuận lợi cho vùng phát triển du lịch. Vùng Duyên hải Nam Trung bộ còn được mệnh danh là “thiên đường du lịch biển, đảo của Việt Nam”.

3.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

3.2.1. Phát triển các sản phẩm du lịch trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

1) Phát triển các sản phẩm du lịch theo loại hình

Loại hình du lịch biển, đảo: Vùng có các bãi biển nổi tiếng như: Sơn Trà, Mỹ Khê, Non Nước (Đà Nẵng); bãi biển Cửa Đại (Quảng Nam); Nha Trang (Khánh Hòa), Mũi Né, Phan Thiết, đảo Phú Quý (Bình Thuận). Đây là thế mạnh trong phát triển du lịch nghỉ dưỡng của vùng.

2) Phát triển các sản phẩm du lịch theo các tuyến du lịch.

Các tuyến du lịch trong vùng đều được hình thành trên cơ sở của giai đoạn trước các yếu tố về địa lý và giao thông và đã tạo tiền đề cho các doanh nghiệp xây dựng các chương trình du lịch hấp dẫn, thu hút khách du lịch đến Vùng.

3.2.2. Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch dưới góc độ về kinh tế

1) Hiện trạng phát triển hạ tầng và các dịch vụ phục vụ du lịch

Trong số các cơ sở lưu trú của Vùng có đến 40 khách sạn 5 sao; 94 khách sạn 4 sao; 165 khách sạn 3 sao; còn lại là các cơ sở lưu trú được xếp hạng 2 sao, 1 sao và các nhà nghỉ du lịch được xếp hạng đạt tiêu chuẩn phục vụ du lịch. Các cơ sở lưu trú chủ yếu đều tập trung ở khu vực ven biển, ở thành phố lớn như ở Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Thuận, Quy Nhơn.

2) Đầu tư vào ngành du lịch trên địa bàn Vùng

Để thu hút đầu tư và phát triển du lịch của Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2350/QĐ-TTg và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của Vùng Duyên hải Nam Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

3) Hiện trạng thu hút khách du lịch đến với Vùng

Tốc độ cũng như lượng du khách đến các địa phương trong vùng tăng đáng kể ngoại trừ năm 2020 do đại dịch Covid thì thị trường 3.3, chỉ ra rằng cơ cấu du khách đến các địa phương cũng đã có sự thay đổi, trong đó Đà Nẵng là địa phương có lượng khách dẫn đầu về số lượng cả tỷ trọng du khách trong toàn vùng

4) Hiện trạng doanh thu du lịch trên địa bàn Vùng

Mặc dù trong năm 2020 hầu hết các địa phương trong vùng đều áp dụng các chỉ thị 15, 16, hoặc 19 của chính phủ, riêng ở góc độ quốc gia thì đã không có đón tiếp khách quốc tế, tuy nhiên, các địa phương cũng vẫn có được doanh thu du lịch trong năm này là do đóng góp của lượng khách trong nước

3.2.3. Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch dưới góc độ về văn hoá - xã hội

1) Hiện trạng lao động trong ngành du lịch

Các địa phương như: Quảng Nam, Khánh Hòa, Đà Nẵng đều có tỷ trọng lao động tham gia ngành du lịch rất lớn chiếm trên 10%. Trong đó Khánh Hòa là địa phương có tỷ trọng lao động tham gia ngành du lịch tăng từ 12,8% năm 2015 lên 23,56% năm 2020. Các địa phương Phú Yên, Bình Định có số lượng và cả tỷ trọng tham gia lao động tham gia ngành hạn chế thấp hơn 2%.

2) Hiện trạng các di sản, di tích, lễ hội và làng nghề

Các di sản di tích của các tỉnh trong Vùng hiện đang là các

điểm du lịch hấp dẫn để thu hút du khách gắn với loại hình du lịch văn hoá, tâm linh và khám phá văn hoá truyền thống.

3.2.4. Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch dưới góc độ về môi trường

Việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên cho hoạt động du lịch của Vùng trong thời gian qua đã có những tác động nhất định đến môi trường tự nhiên. Bên cạnh tác động của du lịch đến môi trường tự nhiên thì việc tổ chức các hoạt động du lịch của Vùng trong thời gian qua cũng có những tác động nhất định đến môi trường kinh tế - xã hội.

3.2.5. Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch dưới góc độ các mối quan hệ liên kết

Các địa phương trong khu vực đã tích cực liên kết bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững, giảm chất thải và tiêu thụ quá mức tài nguyên và năng lượng, quản lý đa dạng tự nhiên, sinh thái theo hướng bền vững.

3.3. ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

3.3.1. Mô hình đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch

Luận án cho rằng việc đánh giá PTDL trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững là đánh giá mức độ bền vững của ba khía cạnh, đó là bền vững về kinh tế, bền vững về văn hoá - xã hội, bền vững về môi trường và liên kết trong phát triển.

3.3.2. Đánh giá mức độ bền vững trong phát triển du lịch từ kết quả mô hình

1) Về kinh tế

Bảng 3.1: Mức độ bền vững về kinh tế của các tỉnh trong Vùng

Chỉ tiêu	Tỉnh	Điểm bền vững	Thứ hạng về bền vững	Mức xếp hạng bền vững
----------	------	---------------	----------------------	-----------------------

Đánh giá mức độ bền vững về khía cạnh kinh tế của các tỉnh trong Vùng	Đà Nẵng	4,095	1	B
	Khánh Hòa	4,067	2	B
	Bình Định	3,897	3	B
	Quảng Nam	3,872	4	B
	Bình Thuận	3,511	5	B
	Phú Yên	3,498	6	B
	Ninh Thuận	3,461	7	B
	Quảng Ngãi	3,151	8	C

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả tính toán)

2) Về văn hoá - xã hội

Bảng 3.2: Mức độ bền vững về văn hoá – xã hội của các tỉnh trong Vùng

Chỉ tiêu	Tỉnh	Điểm bền vững	Thứ hạng về bền vững	Mức xếp hạng bền vững
Đánh giá mức độ bền vững về khía cạnh văn hoá – xã hội của các tỉnh trong Vùng	Quảng Nam	4,048	1	B
	Bình Định	3,849	2	B
	Đà Nẵng	3,784	3	B
	Khánh Hòa	3,716	4	B
	Ninh Thuận	3,700	5	B
	Bình Thuận	3,535	6	B
	Phú Yên	3,453	7	B
	Quảng Ngãi	3,186	8	C

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả tính toán)

3) Về môi trường

Bảng 3.3: Mức độ phát triển du lịch theo hướng bền vững trên cả ba trụ cột về kinh tế, văn hoá - xã hội và môi trường của các tỉnh trong Vùng

Chỉ tiêu	Tỉnh	Điểm bền vững	Thứ hạng về bền vững	Mức xếp hạng bền vững
Đánh giá mức bền vững du lịch trên cả ba trụ cột kinh tế, văn hoá - xã hội và môi trường	Quảng Nam	3,932	1	B
	Đà Nẵng	3,930	2	B
	Khánh Hòa	3,912	3	B
	Bình Định	3,835	4	B
	Ninh Thuận	3,538	5	B
	Bình Thuận	3,499	6	B
	Phú Yên	3,487	7	B
	Quảng Ngãi	3,208	8	C

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả tính toán)

4) Đánh giá mức độ liên kết phát triển du lịch theo hướng bền vững của các địa phương

Bảng 3.4: Mức độ bền vững trong mối quan hệ liên kết Vùng

Chỉ tiêu	Khía cạnh đánh giá	Điểm bền vững	Phương sai	Mức xếp hạng bền vững
Mức độ bền vững trong mối quan hệ liên kết vùng	Liên kết về Kinh tế	3,895	0,431	B
	Liên kết về Văn hoá – Xã hội	3,598	0,327	B
	Liên kết về Môi trường	3,620	0,417	B
	Liên kết trên cả ba khía cạnh	3,762	0,330	B

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả tính toán)

3.4. PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

3.4.1. Mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng

Như vậy, dựa vào bảng kết quả hồi quy, luận án có phương trình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến PTDL trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững như sau:

Đồng thời mô hình hồi quy chuẩn hoá được xác định như sau:

$$\text{PTDLVDHNTB} = 0,374*CS + 0,312*HT + 0,348*TN + 0,237*NL + 0,169*SP + 0,062*DV + 0,211*LK + 0,077*QB + 0,143*HL + 0,264*CD + 0,204*K$$

Theo mô hình hồi quy chuẩn hoá, ta cũng có thể thấy, nhân tố CS có tác động mạnh nhất tới biến phụ thuộc PTDLVDHNTB (với hệ số beta chuẩn hóa là 0,374), tiếp đến là TN, HT, CD (lần lượt hệ số beta chuẩn hóa là 0,348; 0,312 và 0,264), Ảnh hưởng thấp nhất đến biến phụ thuộc PTDLVDHNTB là yếu tố DV và QB (với hệ số beta chuẩn hóa chỉ đạt lần lượt là 0,062 và 0,077), Còn các yếu tố khác như NL, SP, LK, HL và K là có mức ảnh hưởng gần tương đương nhau,

3.4.2. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới phát triển du lịch theo hướng bền vững từ kết quả mô hình

Nhân tố thể chế và chính sách phát triển du lịch; Nhân tố cơ sở hạ tầng; Nhân tố tài nguyên du lịch; Nhân tố nguồn nhân lực du lịch; Nhân tố sự đa dạng của các dịch vụ phục vụ du lịch; Về Nhân tố các dịch vụ hỗ trợ liên quan; Nhân tố hoạt động liên kết, hợp tác phát triển du lịch; Nhân tố quảng bá và xúc tiến du lịch; Nhân tố sự hài lòng của khách du lịch; Nhân tố cộng đồng dân cư địa phương; Nhân tố các yếu tố khác

3.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

3.5.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

Hầu hết các tỉnh trong Vùng đều đạt mức bền vững về mặt

kinh tế, chỉ có tỉnh Quảng Ngãi là đạt mức tạm bền vững du lịch về kinh tế. Đồng thời, tỉnh trong Vùng có mức điểm bền vững cao nhất là Đà Nẵng và thấp nhất là Quảng Ngãi.

Hầu hết các tỉnh trong Vùng đều đạt mức bền vững du lịch về văn hoá – xã hội, chỉ có tỉnh Quảng Ngãi là đạt mức tạm bền vững về văn hoá – xã hội du lịch.

Hầu hết các tỉnh trong Vùng đều đạt mức bền vững du lịch về môi trường, chỉ có tỉnh Bình Thuận là đạt mức tạm bền vững du lịch về môi trường.

3.5.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Du lịch làm giá cả sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tăng nên đã tác động trực tiếp đến mức sống của người dân trong Vùng và kéo theo ảnh hưởng đến các ngành kinh tế khác; (ii) Mặc dù du lịch tạo cơ hội phát triển nền kinh tế số trong Vùng và (iii) Du lịch góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế nhưng cả hai tiêu chí này Vùng chưa làm tốt, chỉ đạt mức đánh giá tương ứng là (2,510 điểm và 2,800 điểm). Chính vì vậy, làm cho điểm bền vững về PTDL của các tỉnh trong Vùng bị giảm sút,

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

4.1. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

4.1.1. Bối cảnh có liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ

Bối cảnh du lịch toàn cầu trong thời kỳ quy hoạch được đánh

giá là có nhiều vấn đề bất ổn chính trị, khó khăn kinh tế, dịch bệnh, thiên tai là thách thức lớn đối với triển vọng phát triển du lịch trong giai đoạn tới.

4.1.2. Quan điểm và định hướng phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững

PTDL của Vùng phù hợp với Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam; với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và thống nhất với các quy hoạch ngành có liên quan trong khu vực quy hoạch.

4.2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

4.2.1. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch

Thứ nhất, Các tỉnh trong vùng cần phối hợp với nhau và phối hợp với các cơ quan Trung ương để hoàn thiện các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch của vùng.

Thứ hai, các tỉnh trong vùng cần xây dựng chính sách để khai thác tận dụng vị trí điều kiện tự nhiên theo hướng phát triển du lịch của vùng theo hướng bền vững.

4.2.2. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch

Thứ nhất, các địa phương trong vùng cần quan tâm nhiều hơn đến việc phát triển hệ thống hạ tầng và thu hút các dự án du lịch lớn vào địa phương. Chính quyền kêu gọi đầu tư để xây dựng và nâng cao cơ sở hạ tầng trên đảo, đáp ứng đủ nhu cầu cho người dân và du khách.

Thứ hai, Cần nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng và lưu trú.

Thứ ba, Thu hút nguồn lực xã hội, nhà đầu tư có kinh nghiệm và trình độ quản lý kinh doanh du lịch tiên tiến, có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch.

4.2.3. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ du lịch

Thứ nhất, Ưu tiên rà soát, điều chỉnh lại mạng lưới cơ sở đào tạo du lịch trong cả vùng theo hướng đảm bảo ưu tiên mở rộng cơ sở đào tạo du lịch tại các khu vực động lực phát triển du lịch và ở một số vùng, địa phương phát triển du lịch nhanh như Đà Nẵng, Khánh Hòa. Thứ hai, Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý, điều hành hoạt động du lịch cho đội ngũ cán bộ tham mưu quản lý nhà nước về du lịch các cấp.

Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch theo nhu cầu của thị trường lao động về du lịch, nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo về du lịch

Tiếp tục phát huy vai trò kết nối giữa nhân viên du lịch với du khách trong việc tạo nên hình ảnh điểm đến tích cực thông qua sự chuyên nghiệp, nhiệt tình của người phục vụ.

Cần tăng cường các khóa đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng mềm của nhân viên và xử lý kịp thời những thắc mắc và yêu cầu của khách.

Cộng đồng địa phương ở từng nơi phải nhận thức được vai trò, trách nhiệm và nét đẹp của dân tộc, văn hoá của địa phương trong ứng xử văn minh du lịch, trong giới thiệu bản sắc văn hoá dân tộc độc đáo với du khách và bạn bè quốc tế.

4.2.4. Phát triển và đa dạng hóa sản phẩm du lịch

Thứ nhất, Nên phát triển mô hình chợ đêm tại khu vực vĩa hè phía đông hai bên cầu sông Hàn – Đà Nẵng; Chợ đêm Lý Sơn – tại huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, chợ Đêm Quy Nhơn; Phố đi bộ - chợ đêm Bãi Tiên tại khu vực núi Hòn Một (phường Vĩnh Hòa, TP, Nha Trang)... Thứ hai, Cần phát huy và quản lý giá trị của tài nguyên du lịch của vùng. Các tỉnh trong vùng có nhiều tiềm năng khác nhau để khai thác phát triển loại hình du lịch.

4.2.5. Tăng cường hoạt động liên kết, hợp tác phát triển du lịch

Thứ nhất, Xây dựng cơ chế chính sách phối hợp liên ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch như chính sách có ý nghĩa nổi bật nhất của vùng là “Con đường di sản miền trung” đã tạo ra những sản phẩm liên kết, góp phần xây dựng thương hiệu du lịch cho các địa phương trong vùng nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Thứ hai, về nội dung liên kết, cần tập trung liên kết về phát triển sản phẩm du lịch, xúc tiến quảng bá và phát triển nguồn nhân lực du lịch

4.2.6. Tăng cường quảng bá và xúc tiến du lịch

Thứ nhất, cần tổ chức các hoạt động quảng bá và xúc tiến du lịch đồng bộ giữa các tỉnh trong vùng để tránh tình trạng mỗi tỉnh tự nâng cao hình ảnh của mình mà không chú trọng đến tính chất chung của vùng trong PTDL.

Thứ hai, cần liên kết quảng bá, xúc tiến du lịch thông qua việc xây dựng chung điểm đến, sản phẩm du lịch, tổ chức các sự kiện, chương trình về du lịch, ẩm thực và trải nghiệm... ; phối hợp cùng nhau để khai thác nguồn khách từ các thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh,...), tiến đến các thị trường xa hơn ở khắp khu vực phía Bắc và phía Nam.

4.3. ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

4.3.1. Về phía Trung ương

Thứ nhất, cần hoàn thiện hành lang pháp lý và các chính sách về thu hút các nguồn đầu tư và phát triển du lịch, tạo các cơ chế chính sách thuận lợi cho Vùng Duyên hải Nam Trung bộ để thu hút khách và liên kết phát triển du lịch.

Thứ hai, cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng chung và hạ tầng du lịch,

hạ tầng đến các điểm du lịch và các hạ tầng phụ trợ, có hệ thống hạ tầng du lịch kết nối giữa các tỉnh trong vùng để thuận lợi cho PTDL.

4.3.2. Về phía các tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung bộ

Thứ nhất, các tỉnh trong vùng cần phải có các điều khoản cụ thể hoá quá trình thực hiện của bản ghi nhớ hợp tác toàn diện về các vấn đề có liên quan đến PTDL của vùng theo hướng bền vững để làm kim chỉ nam cho các hoạt động liên kết trong PTDL.

Thứ hai, các tỉnh trong vùng cần ban hành các chính sách/quyết định để cụ thể hoá Quy hoạch tổng thể PTDL vùng Duyên hải Nam Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Chính phủ. Theo đó, các chính sách/quyết định phải được thực hiện đồng bộ, phù hợp trong nội tỉnh và trong mối quan hệ liên kết với các tỉnh trong vùng.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Vùng Duyên hải Nam Trung bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Vùng có thể mạnh nổi bật về tài nguyên du lịch biển, đảo với sự đa dạng của các hệ sinh thái đặc trưng. Tài nguyên du lịch văn hóa với nét độc đáo, giàu bản sắc. Bên cạnh hệ thống tài nguyên nổi bật trên, về tự nhiên vùng còn có hệ sinh thái núi ở phía Tây (hệ sinh thái Đông Trường Sơn), các mỏ nước khoáng, các hồ nước,...; về văn hóa có hệ thống di tích gắn với chiến tranh giữ nước của dân tộc (thời Tây Sơn, chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ); nét văn hóa của cộng đồng dân cư ven biển; văn hóa các dân tộc thiểu số Đông Trường Sơn, ..., góp phần làm phong phú và đa dạng nguồn tài nguyên du lịch của vùng. Các tài nguyên biển, đảo; văn hóa ChămPa là tiền đề quan trọng xây dựng sản phẩm du lịch vùng có sức cạnh tranh khu vực và quốc tế. Hệ thống các tài nguyên tự nhiên và nhân văn khác góp phần làm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch cho vùng.

Vì vậy, PTDL trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững không chỉ là mối quan tâm hàng đầu của các tỉnh trong vùng, mà còn là mối quan tâm của các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các doanh nghiệp du lịch, du khách trong và ngoài nước,... Tuy nhiên, du lịch của Vùng Duyên hải Nam Trung bộ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh vốn có, còn manh mún, thiếu tầm nhìn tổng thể; hạ tầng du lịch còn nhiều mặt chưa đồng bộ; liên kết PTDL toàn Vùng còn yếu, không ổn định; tài nguyên du lịch chưa được khai thác hợp lý; cơ sở hạ tầng còn thiếu đồng bộ; chất lượng dịch vụ còn hạn chế; hiện tượng chèo chèo khách, bán hàng rong, lừa đảo, tình trạng mất vệ sinh an toàn tại các điểm du lịch vẫn thường xuyên xảy ra, bên cạnh đó nguồn nhân lực cũng là điểm yếu trong quá trình PTDL của Vùng.

Trong phạm vi nội dung nghiên cứu, luận án đã tập trung giải quyết được các vấn đề sau:

Thứ nhất, đã trình bày được bức tranh tổng quan về các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Thứ hai, đã hệ thống hóa và làm rõ lý luận chung về du lịch và PTDL vùng theo hướng bền vững, bao gồm các nội dung liên quan đến lý luận chung về du lịch, lý luận chung về vùng và liên kết vùng, lý luận chung về vùng du lịch và liên kết vùng trong phát triển du lịch, lý luận chung về PTDL theo hướng bền vững và tiêu chí đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng đến PTDL vùng theo hướng bền vững.

Thứ ba, đã trình bày rõ mô hình và phương pháp nghiên cứu bao gồm các nội dung liên quan đến khung nghiên cứu, mô hình và cách thức đánh giá mức độ bền vững về PTDL của vùng và các tỉnh trong vùng, mô hình và cách thức xác định các nhân tố ảnh

hưởng, quá trình thiết kế phiếu khảo sát và phân bố mẫu thực hiện khảo sát, phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu thu thập.

Thứ tư, đã làm rõ thực trạng PTDL vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững, bao gồm các nội dung về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của vùng Duyên hải Nam Trung bộ ảnh hưởng đến PTDL của vùng theo hướng bền vững đánh giá mức độ bền vững của PTDL vùng Duyên hải Nam Trung bộ xác định các nhân tố ảnh hưởng đến PTDLBV vùng Duyên hải Nam Trung bộ và thảo luận về các kết quả nghiên cứu.

Thứ năm, đã đề xuất được các giải pháp PTDL vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững, bao gồm các nội dung về định hướng trong liên kết PTDL vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững, các giải pháp PTDL vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo hướng bền vững và các điều kiện để thực hiện các giải pháp của luận án.

Đồng thời, bên cạnh những việc đã làm được luận án cũng đã chỉ ra được những hạn chế trong nghiên cứu của luận án và đề xuất các hướng nghiên cứu mới trong tương lai, thể hiện nghiên cứu của luận án là có tính kế thừa và phát triển trong tương lai.

2. Những hạn chế của đề tài

Thứ nhất, việc khảo sát đối tượng khách du lịch còn hạn chế vì có nhiều du khách khi tiếp cận phỏng vấn không biết tiếng anh nên không trả lời được phiếu khảo sát. Đồng thời, do quá trình khảo sát là thời gian bị ảnh hưởng của dịch Covid 19, nên việc tiếp cận khách quốc tế rất khó khăn, chỉ tiếp cận khảo sát tại các tỉnh/thành phố như Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hoà chứ chưa bao quát hết các tỉnh trong vùng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Công Đệ (2016), Bình Định liên kết với vùng Duyên hải miền Trung và Tây nguyên trong phát triển du lịch, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 07 (615).
2. Nguyễn Công Đệ (2016), Bàn về phát triển du lịch Bình Định theo hướng bền vững, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 09 (617).
3. Nguyễn Công Đệ (2019), Liên kết phát triển du lịch bền vững vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: Nhìn từ góc độ quản lý nhà nước về du lịch bền vững, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 15 (697).
4. Nguyễn Công Đệ (2019), Đánh giá mô hình liên kết phát triển du lịch bền vững vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 18 (700).
5. Nguyễn Công Đệ (2020), Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa khi đến một số địa phương thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 12 (730).
6. Cong De Nguyen, Thang Loi Ngo, Ngoc My DO, Ngoc Tien Nguyen (2020), Key Factors Affecting Sustainable Tourism in the Region of South Central Coast of Vietnam, Journal of Asian Finance, Economics and Business, 7 (12), 977 – 993.